

GÍA TRỊ DI SẢN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN TRONG CÁC LÀNG XÃ TRUYỀN THỐNG*

PGS. Ts. Phạm Hùng C- ờng

Sự biến đổi của các làng xã truyền thống hiện nay trong quá trình đô thị hoá đang có xu hướng làm mất đi các giá trị văn hoá lịch sử quý giá. Ngoài các giá trị vật thể như Đình, chùa, miếu, nhà cổ... kiến trúc cảnh quan cũng là một trong những di sản văn hoá có giá trị trong hệ thống giá trị di sản vật thể của các làng xã truyền thống.

Qua một số nghiên cứu về các làng xã vùng ven Hà Nội cho thấy những giá trị di sản kiến trúc cảnh quan hết sức phong phú. Mặc dù đã có nhiều biến đổi, nhưng những không gian kiến trúc cảnh quan của khu vực đình, chùa, ao làng, không gian cổng làng và các khu vực cảnh quan tự nhiên ngoài làng khác vẫn còn những giá trị về thẩm mỹ cảnh quan, giá trị lịch sử, văn hoá, giá trị sử dụng và môi trường cho đến hôm nay.

Khác với giá trị của di sản công trình kiến trúc, di sản kiến trúc cảnh quan là một tổng hoà các yếu tố cùng tồn tại trong không gian, mỗi yếu tố có một tính chất, một giá trị, sự phối hợp của chúng trong không gian lại tạo nên giá trị riêng. Chính vì vậy việc đánh giá giá trị của chúng là phức tạp và phải được xem xét trên các góc cạnh khác nhau.

Gía trị về thẩm mỹ không gian của di sản kiến trúc cảnh quan:

Kiến trúc cảnh quan làng xã nổi bật với các giá trị về sự tổ hợp không gian cảnh quan có tính quy luật, có quan điểm trong việc tạo cảnh quan của phong Đông, khai thác và vận dụng Phong thuỷ trong nghệ thuật tạo cảnh. Các tổ hợp không gian tận dụng tốt yếu tố địa hình, cảnh quan, môi trường tự nhiên. Trong đó các không gian của khu vực đình, chùa là những khu vực có giá trị tiêu biểu.

- Các tổ hợp bố cục có quy luật thể hiện rõ trong các quần thể, không gian Đình- Chùa.

Trong các quần thể Đình- Chùa khảo sát đều cho thấy tính quy luật trong tổ hợp. Sự tổ hợp có tính quy luật nhất là tổ hợp theo các trục, các trục chính là đường đi qua tâm của toà nhà chính, từ đó là hướng sống tổ hợp các không gian khác.

Làng Triều Khúc, quần thể đình chùa được tổ hợp theo 2 trục. Trục đi qua chính giữa chùa Vân Hương, ao làng, giếng làng. Trục thứ 2 đi qua Đình Sắc, đình Sắn, ao làng. Hai trục vuông góc với nhau và giao nhau tại điểm 1/3 vị trí trung tâm ao làng. Phía bên trái cũng là ao làng.

Làng Huyền Kỳ, trục không gian đi qua trung tâm của Đình, qua 2 ao làng, thẳng với non bộ trên ao thứ 2. Phía trái là giếng làng, bên phải là nhà thủy tạ. Cây trồng đối xứng 2 bên đình.

Làng Thiết Úng, quần thể Đình, chùa Nghè có 2 trục tổ hợp, một đi qua đình, một đi qua chùa vuông góc với nhau, điểm giao là trung tâm của ao làng phía tr-ớc.

H-ớng của trục không câu nệ theo h-ớng nào mà phụ thuộc vào địa hình, thể đất cụ thể, tr-ờng hợp này lại tuân theo quan điểm về lựa chọn h-ớng theo Phong Thủy.

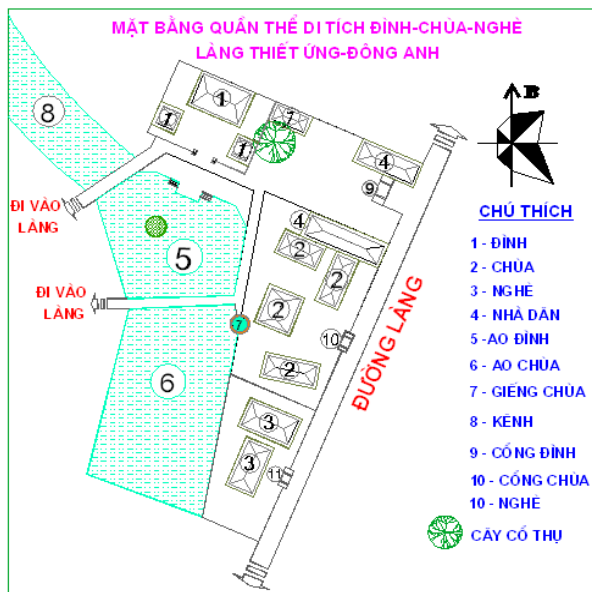
-Tổ hợp không gian có tỷ lệ gắn gũi với con ng-ời.



Đình, chùa làng nằm trong khu dân c-, tuy nó là công trình lớn nhất làng nh-ng nó luôn tạo ra một không gian có tỷ lệ gắn gũi với con ng-ời. Chiều rộng của không gian đình Mông Phụ mỗi chiều là 20,2 và 23,2 m. Đạt tỷ lệ không gian là 1/4. Không gian đình Lê Mật sân rộng 30 và 34m, tỷ lệ không gian khoảng 1/4 đến 1/6 với chiều cao công trình

khoảng 5 m và cây xanh khoảng 12-15m.

Những tỷ lệ không gian này cho cảm nhận gắn gũi, có độ trang nghiêm nhất định và các khoảng trống cũng đủ cho các sinh hoạt của cộng đồng.



Các không gian bên ngoài nh- ao làng cũng đ-ợc giới hạn trong phạm vi nhìn thấy, th-ờng chiều rộng ao không quá 100m, trung bình khoảng 30-50m.



Không gian có chiều sâu, nhiều lớp cảnh, theo quan điểm kiến trúc cảnh quan ph-ong Đông.

Quần thể kiến trúc cảnh quan khu vực đình - chùa cũng thể hiện rõ quan điểm này, đó là tổ hợp không gian nhiều lớp cảnh, công trình hiện ra từng lớp theo tuyến hoạt động, các lớp không gian đ-ợc phân chia bởi hệ thống cây xanh, tiền án, tam quan, lớp nhà chính, nhà phụ...

Phía tr-ớc công trình là hồ ao coi nh- lớp không gian thứ nhất, mở h-ớng nhìn vào đình, chùa. Tiền án ngăn không cho sự quan sát trực tiếp vào cửa chùa, đình, cùng với cổng tạo nên lớp không gian thứ hai.

Cây xanh cũng có vai trò lớn trong việc tạo lớp không gian, đ-ợc sử dụng có ý đồ trong việc tạo cảnh. Cây Đa to th-ờng đặt phía ngoài cổng đình đóng không gian từ bên ngoài, vào trong sân chỉ có cây Đại cành th-a, ít lá, tạo các lớp không gian phụ.

Các thức tổ hợp nhiều lớp cảnh tạo cho các không gian sự độc lập nhất định, cảm giác về sự trang nghiêm để đ-ợc thiết lập do hạn chế đ-ợc sự tác động của các yếu tố ngoại cảnh. Đây là sự hiểu biết và áp dụng tinh tế về vấn đề sự chuyển tiếp không gian liên quan đến chuyển tiếp tâm lý. Sự chuyển đổi tâm lý dần dần qua từng lớp không gian phù hợp với tâm lý con ng-ời, đến với gian thờ chính của đình, chùa, miếu là tâm của mọi ng-ời đã có đ-ợc độ tĩnh nhất định, cảm nhận đ-ợc sự linh thiêng của không gian thờ Phật hay thần, thánh.

Không gian nhiều lớp cảnh còn tạo nên hiệu quả cảm nhận không gian rộng và sâu hơn so với thực tế. Đây cũng là thủ pháp tạo cảnh rất phổ biến ở nghệ thuật v-òn ph-ong Đông mà Việt Nam, Trung Quốc hay áp dụng.

Các không gian khác nh- cổng làng, ngõ xóm không tuân theo yếu tố trục hay h-ớng mà chủ yếu theo thế của địa hình, của lối tiếp cận.

Tạo cảnh quan theo nguyên tắc của thuật Phong Thủy.

Phong thủy từ một phần của triết học ph-ong Đông giải thích sự vận động của “khí” trong vũ trụ dưới sự tác động của các yếu tố địa hình, mặt nước. Công trình kiến trúc nằm trong không gian chịu tác động của khí theo các h-ớng. Mỗi h-ớng Đông Tây Nam Bắc đều ứng với các tính chất của ngũ hành, chịu tác động của khí vận hành theo các h-ớng đó.

Việc bố trí các công trình nh- nhà ở, đình chùa hay mô mã theo đúng Phong Thủy sẽ nhận đ-ợc các năng l-ợng của tự nhiên và tạo nên những sức mạnh tinh thần, sự may mắn, sức phát triển to lớn. Nguyên tắc này đã đ-ợc thể hiện trong các không gian qua một số khía cạnh :

- Sự lựa chọn vị trí và h-ớng của Đình, Chùa

Công trình công cộng nh- đình, chùa đ-ợc lựa chọn vị trí không đơn thuần theo h-ớng Nam hoặc Đông nh- nhà ở mà còn phụ thuộc vào thế đất thể hiện rõ theo nguyên lý Phong Thủy. Phía tr-ớc của công trình là Minh Đ-ờng phải là không gian thoáng, sáng sủa. Một số ví dụ :

+ Làng Đông Ngạc: Đình h-ớng ra phía Đông Bắc, tr-ớc mặt là đ-ờng làng và đầm rộng thoáng.

+ Đình làng Huyền Kỳ: H-ớng ra phía Tây Nam, tr-ớc mặt là 2 ao làng rộng, đ-ờng chính vào làng.

+Làng □ La: Đình làng h-ớng về phía Tây, chùa làng h-ớng về phía Nam, 2 công trình tổ hợp vuông góc với nhau. Ao làng nằm ở giữa góc 2 công trình.

+Làng Khúc Thủy: Đền Ông và miếu h-ớng ra phía Nam, nơi có khoảng trống rộng và mặt n-ớc của các con kênh dẫn từ sông Nhuệ.

+Đình làng Khúc Thủy h-ớng ra phía Tây Nam, tr-ớc mặt là khoảng trống của sông Nhuệ, đ-ờng làng.

+Đình làng Sủi, đền thờ bà Nguyên phi □ Lan h-ớng về phía Nam, phía tr-ớc là sân rộng. Tuy nhiên chùa lại có h-ớng Tây, h-ớng về sân chung, vuông góc với đình.

+ Làng Lệ Mật, đình h-ớng phía Nam, tr-ớc mặt là khoảng trống của sân đình, đ-ờng làng.

Nh- vậy h-ớng nào không phải là quan trọng mà thế đất và thế cảnh quan phía tr-ớc công trình mới là lý do để lựa chọn h-ớng của công trình chủ đạo tổng không gian.

Ngoài các yếu tố thoáng đãng của Minh đ-ờng, h-ớng của công trình còn phụ thuộc và các yếu tố tạo khí xa hơn nữa nh- các dãy núi phía xa tạo bình phong, hoặc do thế đất phía sau l-ng.

+ Sử dụng yếu tố mặt n-ớc theo phong thủy:

Hầu hết các đình chùa đều có yếu tố mặt n-ớc phía tr-ớc, tạo nên thế đất “đội Sơn , đạp Thủy” là thế đất đẹp, thịnh vượng. Trong nguyên lý của Phong Thủy, mặt n-ớc phải chảy qua tr-ớc công trình (nên từ trái qua phải) và có phần tụ n-ớc phía tr-ớc (mặt n-ớc mở rộng) là thế đẹp, tạo ra sinh khí.

Nguyên lý này có thể thấy ở quần thể đình Khúc Thủy với sông Nhuệ chảy phía tr-ớc, đình đ-ợc đặt ở vị trí chính khúc cong của dòng sông, nơi lòng sông cũng mở rộng.

Đền Ông ở Khúc Thủy cách đình khoảng 300m còn có sự sáng tạo tinh tế. Đoạn kênh tự nhiên ôm quanh Đền, cùng với sông Nhuệ làm cho ngôi đền nh- đặt trên một bán đảo. Phần kênh tr-ớc mặt đền mở rộng , hình thái bầu vừa tạo sự tĩnh cho công trình vừa thể hiện đúng nguyên lý của thuật Phong Thủy. Nguyên lý này cũng có thể thấy đ-ợc áp dụng tại đình Chèm, đình h-ớng ra sông Hồng.

Ngoài ao phía tr-ớc đối diện với đình, trong không gian còn có thể có 2 ao hai bên (hoặc giếng) cũng là thủ pháp th-ờng gặp ở nhiều làng. Cụ thể nh- làng Vạn Phúc, làng Huyền Kỳ. Mặt n-ớc tr-ớc công trình đ-ợc sử dụng nh- một yếu tố không gian mở. Mặt n-ớc nh- một tấm g-ơng, soi bóng các công trình làm cho công trình đ-ợc tôn lên vẻ đẹp.

Khu vực không có mặt n-ớc thì đ-ờng đi đ-ợc coi nh- mặt n-ớc để xác định h-ớng dẫn khí. Chính vì vậy qua quan sát vị trí tiếp cận Đình, chùa hầu hết đều thấy lối vào đi qua Đình, chùa là từ trái qua phải, t-ơng ứng với dòng chảy từ trái qua phải. Tới tr-ớc cổng phần đ-ờng đ-ợc mở rộng nh- một yếu tố tụ thủy.

Còn có nhiều các ví dụ khác có thể minh chứng cho việc tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan trong các làng xã là những giá trị hết sức quý giá đ-ợc hình thành qua sự đúc rút kinh nghiệm hàng ngàn năm của cộng đồng dân c- , có quan điểm và ph-ơng pháp thiết lập rõ ràng.

Tính biểu t- ợng của Kiến trúc cảnh quan truyền thống

Trải qua lịch sử hình thành lâu dài, cảnh quan làng xã truyền thống đã hình thành những tổ hợp quen thuộc, có sự cô đọng trong phối kết các nhân tố, trở thành hình ảnh biểu tr- ng của làng xã. Chính vì vậy dù mỗi làng có những sự khác biệt nh- ng những hình ảnh biểu tr- ng đã trở thành đại diện mang ý nghĩa ký hiệu học cho sự nhận biết, sự hồi t- ợng hay ký ức về làng quê nói chung.

Có thể kể đến các tổ hợp tạo hình ảnh biểu tr- ng sau:

1.Tổ hợp: Mái Đình - Cây Đa- Ao làng



Đây là tổ hợp mang tính biểu tr- ng mạnh nhất của làng quê truyền thống. Với mái đình thấp, uốn cong, có sân đình với hai bên là cây Đa phía tr-ớc là ao làng đã trở thành một tổ hợp có tính công thức đạt hiệu quả thẩm mỹ cao. Hình ảnh này đ-ợc

lập lại ở khá nhiều làng, chính vì vậy nó càng có tính khái quát và tính đại diện.



2. Tổ hợp: Cây đa- Cổng làng

Mặc dù tổ hợp này hiện còn không đ-ợc nhiều ở các làng nh-ng hình ảnh cây Đa có tán rộng sum suê, bên cạnh là chiếc cổng bé nhỏ đã in đậm vào tâm trí ng-ời dân, có sức biểu cảm lớn. Đặc biệt là sự tồn tại cho đến ngày nay của cổng làng Mông Phụ -Đ-ờng Lâm với vẻ đẹp không gian hoàn chỉnh đã khẳng định tính biểu tr-ng của không gian cổng làng. Thậm chí hình ảnh cổng làng Mông Phụ với cây Đa- ao

n-ớc còn th-ờng xuyên đ-ợc đ-a lên nh- hình ảnh biểu tr-ng của làng Việt.

3. Tổ hợp: Lũy tre- Cổng làng-

Đ-ờng vào làng



tính tự trị cao trong một không gian khép kín.

Xuất phát điểm của chúng từ yếu tố công năng bảo vệ làng. Tuy nhiên đây là không gian đầu tiên kết nối bên ngoài và bên trong làng nên cũng để lại một ấn t-ợng hình ảnh rõ nét. Hình ảnh cô đọng là con đ-ờng dẫn vào làng, chiếc cổng nhỏ và hai bên là bóng lũy tre dày đặc. Hình ảnh này phản ánh rõ tính chất cộng đồng làng xã với

4. Tổ hợp: Đ-ờng làng- Bờ ao- Hàng

rào Dưới- Cây Cau .



Hình ảnh này biểu tr-ng cho hình ảnh không gian ở giản dị, đậm ám thôn quê. Đó là sự phối kết hình ảnh của mái ngói, mái rá nhấp nhô sau rặng Dưới bờ rào, in trên nền trời là bóng Cau mảnh mai.

5. Tổ hợp: Cây rom □ bụi Chuối- ao

bèo. Hình ảnh này biểu tr-ng cho hình ảnh bên trong một hộ gia đình nông thôn. Tổ hợp mặt n-ớc nhỏ (ao nhà) lấm tấm bèo, cây rom màu vàng sẫm bên cạnh bụi chuối là một hình ảnh khó có thể ở đâu khác ngoài vùng quê Bắc bộ. Không gian nhỏ, cảnh

quan giản dị nh- ng lại là hình ảnh thấy nhiều trong làng xã.



7. Tổ hợp: Quán- Cây xanh- Cánh đồng lúa: Hình ảnh một ngôi quán nhỏ mái ngói xiêu xiêu, trống trải trên cánh đồng lúa bên cạnh một cây cao là một hình ảnh thường thấy ở các làng xã. Nó điểm xuyết cho cánh đồng lúa mênh mông với cảnh quan thay đổi theo các vụ mùa. Màu mạ xanh non, màu lúa thì con gái xanh ngắt, ngày mùa với màu vàng rực.

Ngoài ra còn có những tổ hợp khác, không xuất hiện phổ biến nh- ng cũng là những dấu ấn rõ nét về làng quê nh- hình ảnh con sông, bến đò, hình ảnh ao Sen , cây Gạo đỏ trên cánh đồng ...

Gía trị lịch sử, văn hoá phi vật thể, tinh thần:

Các làng xã đã trải qua một quá trình phát triển lâu dài, cùng với lịch sử đất nước có rất nhiều sự kiện qua các giai đoạn Phong kiến, thời kỳ chống Pháp, Mỹ... Các không gian kiến trúc cảnh quan truyền thống cũng thường tham gia chứng kiến các sự kiện lịch sử của làng xã, mỗi loại hình đều có những giá trị lịch sử nhất định. Nhiều đình, chùa miếu được xếp hạng di tích không chỉ ở bản thân giá trị kiến trúc, nghệ thuật mà còn ở giá trị lịch sử cách mạng.

Những di tích chứng kiến và đánh dấu cho sự phát triển của làng xã có ý nghĩa lịch sử trên cả các giá trị vật thể của bản thân nó. Làng Cựu Đà còn có các con chó đá gần các cổng xóm nh- là biểu tượng cho sự làm ăn thịnh vượng của một thời đầu thế kỷ 20. Các bậc bến thuyền với cột đá để treo đèn gọi lại hình ảnh một thời buôn bán tấp nập trên bến đò thuyền của làng.

Thôn Cầu, Thạch Bàn (Gia Lâm) tuy chỉ còn giữ lại được các thanh cột chống , giàng bằng đá của chiếc cầu cổ qua sông cũng cho ta thấy lịch sử tên gọi của làng, xuất phát từ chiếc cầu đá này được xây dựng.

Gía trị văn hoá xã hội của các công trình tiêu biểu trong không gian lịch sử

Dù yếu tố tự trị làng xã đã mất đi nh- ng nó vẫn âm ỷ tồn tại và Đình, cổng làng chính là những công trình thể hiện rõ nét những yếu tố đó.

Đình là công trình văn hoá tiêu biểu nhất của làng xã. Việc ở Đình chỉ tổ chức những công việc mang tính tự nguyện của cả làng- ời dân thông qua các trao đổi với những làng- ời có uy tín trong làng, các trưởng dòng họ... Hiện nay Đình vẫn là niềm tự hào của làng- ời dân làng. Đình làng khang trang to lớn cũng chứng tỏ sức mạnh vật chất và tinh thần của cộng đồng làng đó.

Đình làng là không gian thiêng liêng nhất với dân làng. Rất nhiều cách ứng xử thể hiện sự tôn trọng nó. Ví dụ làng Lệ Mật di chuyển Chùa để lấy vị trí xây

dựng đình. Đình làng Mông Phụ đ- ọc đặt sao cho không ai quay l- ng vào đình. Nhà ở h- óng ra phía đình...

Chính vì vậy cho dù hiện trạng đình nh- thể nào thì việc khôi phục lại các ngôi đình chỉ là vấn đề kinh tế, khi có đủ điều kiện nhiều làng tự nguyện góp để xây dựng lại đình mà không hoàn toàn trông chờ vào kinh phí của Nhà n- ớc.

Chùa với ý nghĩa tín ng- ỡng đạo Phật đã ăn sâu vào tín ng- ỡng của ng- ời dân. Là dòng tôn giáo phổ biến trong các làng xã, tạo nên các giá trị tinh thần, niềm tin sống thiện, sống hoà đồng của ng- ời dân.

Cổng làng hiện nay hoàn toàn không còn giá trị chức năng mà chỉ còn giá trị tinh thần. Đó là khẳng định ranh giới của làng, một phạm vi của một khu vực c- trú truyền thống, thể hiện cái tôi của làng, sự tự hào về « nơi chốn » của làng .

Không gian kiến trúc cảnh quan truyền thống là cơ sở để cho các giá trị văn hoá phi vật thể tồn tại. Các hoạt động văn hoá truyền thống tại sân Đình , biểu diễn rối n- ớc trên ao làng, lễ hội hàng năm, các không gian cổng làng, đình chùa, quán trên đồng là những không gian giao tiếp làm tăng tính cộng đồng làng xã.

Tuy có các giá trị không thể phủ nhận nh- ng các di sản kiến trúc cảnh quan truyền thống ch- a đ- ọc nhìn nhận đúng mức trong công tác bảo tồn. Các không gian cảnh quan mới đ- ọc coi là vùng đệm của công trình di tích chứ ch- a đ- ọc coi bản thân chúng là một di sản. Sự nhìn nhận về các giá trị kiến trúc ảnh quan cần phải có sự đổi mới, các tiêu chí đánh giá mới. Cụ thể :

Bảo tồn các giá trị di sản kiến trúc cảnh quan là bảo tồn một loại hình di sản đặc thù, khác biệt với việc bảo tồn công trình di tích.

Kiến trúc cảnh quan không phải là yếu tố tĩnh.

Chỉ có công trình kiến trúc khi xây dựng xong là đã kết thúc công việc, có thể xác định niên đại xây dựng để phục hồi nh- nguyên gốc mới xây dựng.

Với cây xanh, giá trị hình thành của nó muộn hơn, phải mất hàng trăm năm một cây xanh mới có đ- ọc vẻ đẹp cổ kính của cây. Không những thế trong hệ thống cây xanh, có những cây đ- ọc bổ sung muộn hơn. Vì vậy tính nguyên gốc của yếu tố cây xanh không phải từ lúc cây đ- ọc trồng mà phải qua một khoảng thời gian, từ thời điểm hình thái cây tr- ởng thành cho đến ngày nay. Trong đó giai đoạn hiện tại là quan trọng bởi chúng ta không thể phục hồi lại hình thái của cây nh- những giai đoạn tr- ớc.

Khác với công trình kiến trúc khi mất đi có thể tôn tạo phục dựng lại đ- ọc. Cây cổ thụ nếu bị mất đi chúng ta cũng phải mất hàng chục, hàng trăm năm mới có thể trồng lại cây khác thay thế. Trong thời gian đó, kiến trúc cảnh quan đã bị thay đổi cơ bản.

Cây xanh có quy luật phát triển và lui tàn, độ tuổi của cây có giới hạn, các tác nhân sâu bệnh, sự thay đổi môi trường, của nước, sinh khí hậu cũng tác động đến cây và đến vẻ đẹp thẩm mỹ chung của cảnh quan.

- *Hệ thống cây xanh trong kiến trúc cảnh quan có sự chọn lọc, bổ sung thường xuyên.*

Thông thường trong quần thể đình chùa hay cổng làng, người dân ban đầu trồng một số cây, khi cây lớn mới lựa chọn những cây phát triển tốt, loại bỏ những cây yếu hoặc những cây có hình dáng, chủng loại không phù hợp. Đây là biện pháp chọn lọc tốt.

Tuy nhiên như vậy chúng ta cũng thường bắt gặp những cây mới trồng hoặc đã trồng một thời gian không phù hợp với cảnh quan làng xã như vẫn được tồn tại (trồng hợp những cây Dừa, Liễu cạnh cổng làng Mông Phụ). Sự chọn lọc của chúng cũng còn tùy thuộc vào quan điểm của người dân từng khu vực. Trong những trường hợp chọn lọc này, rõ ràng yếu tố gốc khó xác định mà lúc đó phải coi giá trị cảnh quan lịch sử như một giá trị hiện tại. Việc loại bỏ cây nào, giữ lại cây nào tùy thuộc vào việc nó có bổ sung, đóng góp cho giá trị thẩm mỹ của cảnh quan hay không, có làm thay đổi cảnh quan đó theo hướng tích cực hay không.

Xác định yếu tố gốc của di sản kiến trúc cảnh quan

Như vậy yếu tố gốc của kiến trúc cảnh quan là hình thái kiến trúc cảnh quan được hình thành ***tại thời điểm mà các thành tố cây xanh, mặt nước đã có sự ổn định về hình thái phát triển tự nhiên.*** Tạo dựng được hình ảnh, dấu ấn trong cộng đồng.

Giá trị kiến trúc cảnh quan thường hình thành muộn hơn nhiều so với giá trị kiến trúc của công trình. Có **độ vênh giữa thời điểm xác định giá trị kiến trúc và giá trị kiến trúc cảnh quan.**

Công trình kiến trúc khi xây dựng xong đã hình thành nên giá trị kiến trúc, nghệ thuật. Có thể xác định rõ niên đại, ngày hoàn thành.

Kiến trúc cảnh quan do có sự tham gia của cây xanh nên thường hình thành giá trị muộn hơn thời điểm xây dựng công trình khoảng 30-50 năm. Không có một thời điểm cụ thể xác định giá trị. Khoảng thời gian xác định giá trị kéo dài hàng chục năm.

Sự tồn tại của di sản cũng có xung đột nhau giữa 2 thành tố. Trong khi thời gian càng lâu, công trình kiến trúc càng có nguy cơ đổ vỡ, hư hại thì thời gian càng lâu càng có thêm các giá trị do sự phát triển sinh học của cây.

Như vậy có độ vênh thời gian trong việc xác định niên đại của yếu tố gốc giữa công trình và không gian. Điều này cần được lưu ý bởi nó dễ tạo nên sự tranh cãi trong quá trình bảo tồn, tôn tạo.

Sự tranh cãi này ở việc gìn giữ giá trị cảnh quan hay gìn giữ giá trị kiến trúc. Nếu coi trọng việc bảo tồn kiến trúc, phải phục dựng lại theo đúng giá trị kiến trúc gốc có thể làm hỏng cảnh quan hiện tại.

Tr-ờng hợp cổng thành cổ Sơn Tây hiện nay đang là một ví dụ. Cổng thành cổ kính có một cây Đa lớn bên cạnh, vấn đề là rễ cây đa đã bao trùm lên cổng thành, tạo nên hình ảnh cổng rất cổ kính nh-ng lại đang làm h-ại cổng. Nếu coi trọng cảnh quan phải giữ nguyên phần cây xanh bám vào cổng thành, thành cũ vẫn bị đe dọa h-ại. Nếu coi trọng phần kiến trúc, tôn tạo lại cổng sẽ phải chặt bỏ các rễ cây bám, điều này sẽ làm thay đổi cảnh quan.

Có nhiều tr-ờng hợp ng-ời dân cho rằng những nhà bảo tồn đã làm sai lệch di tích bởi chúng trông đẹp một cách mới mẻ. Tr-ờng hợp Tháp Rùa Hồ G-ôm- Hà Nội là một ví dụ. Các nhà bảo tồn cho rằng mình đã phục dựng đúng nguyên gốc trong khi ng-ời dân cho rằng chúng quá mới, chỉ đến khi công trình đã rêu phong mới hết ý kiến chê trách. Rõ ràng có sự vênh trong nhận định về giá trị di sản công trình và cảnh quan. Các nhà bảo tồn nhận định giá trị công trình theo tính nguyên gốc, còn ng-ời dân nhận định giá trị ở cảnh quan. Với ng-ời dân, giá trị công trình chỉ có đ-ợc khi công trình rêu phong, nhuộm màu thời gian.

Còn nhiều vấn đề phải tiếp tục nghiên cứu để có thể đề xuất những biện pháp bảo tồn các di sản kiến trúc cảnh quan. Công tác nghiên cứu di sản kiến trúc cảnh quan làng xã truyền thống nói riêng và các di sản kiến trúc cảnh quan nói chung ở n-ớc ta mới chỉ là b-ớc đầu. Những chính sách, cơ chế bảo tồn còn thiếu. Đây là công việc lớn bởi các giá trị di sản kiến trúc cảnh quan ở n-ớc ta cũng rất phong phú, việc xác định đúng đắn các giá trị sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của công tác bảo tồn, gìn giữ tốt các giá trị văn hoá của dân tộc.

(Bài viết tháng 9-2009, đã đăng tạp chí Kiến trúc)